

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2023/DS-ST

Ngày: 23 - 6 - 2023

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thật

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Lê Văn Lý
- Ông Võ Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc- Kiểm sát viên

Trong ngày 23 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 86/2023/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2023 về việc “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị V**, sinh năm 1958; địa chỉ: Ấp 2, xã T1, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Bà **Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1954; địa chỉ: Khu phố 2, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông **Ngô Văn D**, sinh năm 1964 và bà **Nguyễn Thị Th**, sinh năm 1965; Cùng địa chỉ: Ấp 4, xã T1, huyện T, tỉnh Long An.

Bà N và bà Th có mặt; ông D vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Huỳnh Thị V: Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị V do bà Nguyễn Thị Thanh N đại diện theo ủy quyền xác định khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn D và bà Nguyễn Thị Th có nghĩa vụ liên đới trả số tiền nợ gốc là 891.226.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 05/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/6/2023).

Đề nghị của bị đơn – bà Nguyễn Thị Th: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Th đồng ý cùng ông D liên đới trả số tiền gốc 891.226.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng tính từ ngày 05/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Đề nghị của bị đơn – ông Ngô Văn D: Ông D đã được Tòa án huyện T triệu tập hợp lệ đúng quy định của pháp luật nhưng ông D vắng mặt và không có ý kiến hay văn bản đề nghị đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các tình tiết của vụ án:

Những nội dung các đương sự thống nhất: Bà Th thống nhất với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là vợ chồng bà Th và ông D có mua vật tư nông nghiệp của bà V và còn nợ số tiền 891.226.000đồng. Bà Th và ông D có ký giấy nhận nợ với bà V vào ngày 05/4/2022. Bà Th thừa nhận chữ ký tên và ghi rõ họ tên “Nguyễn Thị Th” và “Ngô Văn D” trong giấy nợ là của bà Th và ông D. Khi ký giấy nhận nợ thì có con bà Th và ông D là Ngô Văn Q ký tên chứng kiến. Sau khi ký giấy nợ thì bà V yêu cầu bà Th và ông D phải trả xong số tiền nợ vật tư theo giấy nhận nợ ngày 05/4/2022 thì bà V mới bán mới. Tuy nhiên, do vụ mùa làm ăn không được nên vợ chồng bà Th vẫn chưa có tiền để trả tiền bà V, vì vậy bà V không bán vật tư nông nghiệp cho bà Th và ông D.

Những nội dung các đương sự không thống nhất được: Bà V yêu cầu bà Th và ông D trả một lần số tiền nợ gốc 891.226.000đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng. Bà Th đề nghị được trả dần số tiền nợ, cụ thể: 06 tháng trả 01 lần số tiền 20.000.000đồng cho đến khi hết nợ.

Ông Ngô Văn D vắng mặt, không trình bày ý kiến.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp như tại biên bản phiên họp kiểm tra về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ của Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng theo quy định của tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 440, 357, 288 của Bộ luật Dân sự và Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “hợp đồng mua bán tài sản” được quy định tại Bộ luật Dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện T nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc giải quyết vắng mặt ông D: Ông D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông D.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc: Bà Nguyễn Thị Thanh N đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh Thị V xác định bà V khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn D và bà Nguyễn Thị Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà V số tiền 891.226.000đồng nợ gốc. Bà Th thừa nhận bà Th và ông D có mua vật tư nông nghiệp của bà V và còn nợ số tiền gốc là 891.226.000đồng. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà V thì bà Th đồng ý liên đới cùng ông D trả nợ cho bà V số tiền nợ nêu trên. Bị đơn ông Ngô Văn D không có ý kiến hay văn bản nào phản đối yêu cầu khởi kiện của bà V và ý kiến của bà Th nên căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của bà V có cơ sở chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả tiền nợ lãi: Bà N đại diện theo ủy quyền của bà V yêu cầu bà Th và ông D trả cho bà V số tiền lãi theo mức lãi suất

0.83%/tháng, tính từ ngày 05/4/2022 đến ngày 23/6/2023 với tổng số tiền lãi là 107.999.000đồng. Bà Th đồng ý với mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu, đồng ý cùng ông D liên đới trả lãi cho bà V. Xét thấy, nguyên đơn yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0.83%/tháng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự nên chấp nhận. Thời gian tính lãi từ ngày 05/4/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 23/6/2023, số tiền lãi là: $891.226.000\text{đồng} \times 14 \text{ tháng} \times 0.83\%/tháng = 107.999.000\text{đồng}$.

Về trách nhiệm trả nợ, người đại diện theo ủy quyền của bà N xác định bà V yêu cầu bà Th và ông D phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc 891.226.000đồng và 107.999.000đồng tiền lãi, tổng cộng là 999.225.000đồng. Bà Th đồng ý cùng ông D liên đới trả nợ cho bà V. Xét thấy, bà Th và ông D là vợ chồng, việc mua vật tư nông nghiệp là nhằm mục đích sản xuất nông nghiệp phục vụ nhu cầu sinh hoạt và kinh tế gia đình nên ông D phải có nghĩa vụ liên đới với bà Th trả nợ cho bà V.

Từ những nhận định trên, căn cứ Điều 288, Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị V đối với bà Nguyễn Thị Th và ông Ngô Văn D về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Ngô Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị V số tiền gốc 891.226.000đồng và 107.999.000đồng tiền lãi, tổng cộng là 999.225.000đồng.

[4] Đề nghị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T về việc chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[5] Về thời gian trả và cách thức trả: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả một lần; bà Th đề nghị được trả dần theo thời hạn 06 tháng trả một lần số tiền 20.000.000đồng. Tuy nhiên, lời đề nghị trả dần của bị đơn không được phía nguyên đơn đồng ý. Xét thấy, vấn đề này thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan Thi hành án dân sự khi bản án có hiệu lực pháp luật nên Tòa án không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

[7] Về án phí: Bà Huỳnh Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị Th và ông Ngô Văn D phải liên đới chịu số tiền 41.977.000đồng án phí dân sự sơ thẩm sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 430, 440, 288, 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị V đối với bà Nguyễn Thị Th và ông Ngô Văn D.

Buộc bà Nguyễn Thị Th và ông Ngô Văn D có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Huỳnh Thị V số tiền gốc 891.226.000đồng (tám trăm chín mươi một triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng) và 107.999.000đồng (một trăm lẻ bảy triệu chín trăm chín mươi chín nghìn đồng) tiền lãi, tổng cộng gốc và lãi là 999.225.000đồng (chín trăm chín mươi chín triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2. Về án phí:

Bà Nguyễn Thị Th và ông Ngô Văn D phải liên đới chịu số tiền 41.977.000đồng (bốn mươi một triệu chín trăm bảy mươi bảy nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp sung vào ngân sách Nhà nước.

Bà Huỳnh Thị V không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Bà V và bà Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông D vắng mặt có quyền kháng cáo

trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Toà án niêm yết bản án.

5. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện T;
- CC THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ; án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thật